



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
Thành viên của PrimeGlobal

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ
TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành Phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 07 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 29 tháng 01 năm 2015 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 08.8554 645 - 08.8553 118
- Fax: (84) 08.8564 307
- Website: www.stb.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, đập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công ty có 3 đơn vị trực thuộc

- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh - Xí nghiệp đồ dùng dạy học;
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh - Xí nghiệp Thiết bị trường học (Tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 3 - Bình Dương).
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao; Quận 1; TP. Hồ Chí Minh).

Công ty con, Công ty liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ	L.vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
-------------	---------	------------------	--------------

Công ty con

- | | | | |
|------------------------------------|---|-------|------|
| 1. Công ty TNHH MTV In chuyên dùng | 104/5 Mai Thị Lựu, P. Đa Kao, Q.1, TP Hồ Chí Minh | In ấn | 100% |
|------------------------------------|---|-------|------|
- Công ty TNHH Một thành viên In Chuyên Dùng đã chấm dứt hoạt động kể từ ngày 24/06/2014 theo Quyết định số 81/QĐ_STB_14 của Hội đồng quản trị Công ty.
- | | | | |
|-------------------------------------|--|----------|--------|
| 2. Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông | 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh | Giáo dục | 52,77% |
|-------------------------------------|--|----------|--------|

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Giáo dục Tây Ninh	403 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 3, Thị xã Tây Ninh Tỉnh Tây Ninh	Sách, thiết bị giáo dục	35,02%
---	--	-------------------------	--------

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 293 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 23 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Từ Văn Sơn | Chủ tịch | Bỏ nhiệm lại ngày 24/03/2012 |
| • Ông Lê Kế Đức | Thành viên | Bỏ nhiệm lại ngày 24/03/2012 |
| • Ông Xà Triệu Hoàng | Thành viên | Bỏ nhiệm lại ngày 24/03/2012 |
| • Ông Ngô Trần Vĩnh | Thành viên | Bỏ nhiệm lại ngày 24/03/2012 |
| • Ông Trần Văn Hưng | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 24/03/2012 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

- | | | |
|----------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Trần Lê Quang | Trưởng ban | Bỏ nhiệm ngày 24/03/2012 |
| • Bà Phạm Nhật Quyên | Thành viên | Bỏ nhiệm lại ngày 24/03/2012 |
| • Bà Nguyễn Thị Nhớ | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 24/03/2012 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|--------------------------|---------------------------------|--|
| • Ông Trần Văn Hưng | Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng | Bỏ nhiệm ngày 01/02/2015
Bỏ nhiệm lại ngày 15/04/2009
Miễn nhiệm ngày 01/02/2015 |
| • Ông Ngô Trần Vinh | Tổng Giám đốc | Bỏ nhiệm ngày 10/02/2014
Miễn nhiệm ngày 01/02/2015 |
| • Ông Từ Văn Sơn | Tổng Giám đốc | Bỏ nhiệm lại ngày 15/04/2009
Miễn nhiệm ngày 10/02/2014 |
| • Ông Lê Kế Đức | Phó Tổng Giám đốc | Bỏ nhiệm lại ngày 15/04/2009 |
| • Ông Phan Xuân Hiến | Phó Tổng Giám đốc | Bỏ nhiệm lại ngày 15/04/2009 |
| • Ông Từ Trung Đan | Phó Tổng Giám đốc | Bỏ nhiệm lại ngày 01/03/2014 |
| • Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh | Kế toán trưởng | Bỏ nhiệm ngày 01/02/2015 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 – 80, Đường 30 tháng 4, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 511.3655886; Fax: (84) 511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

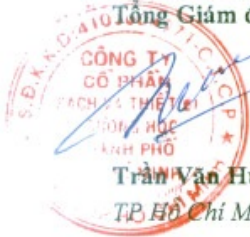
- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Trần Văn Hưng

TP Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2015

11/03/2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dnng.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 341/2015/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 23/03/2015, từ trang 6 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1
Đà Nẵng, ngày 23 tháng 03 năm 2015

Lê Vinh Hà – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1216-2013-010-1

11/03/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01 – DN/HN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các qui định sửa đổi,
bổ sung của Bộ trưởng BTC

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		99.694.776.415	96.021.294.198
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	31.647.748.400	27.430.614.717
1. Tiền	111		3.298.969.347	7.150.808.909
2. Các khoản tương đương tiền	112		28.348.779.053	20.279.805.808
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	5.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	5.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.875.165.217	31.237.302.213
1. Phải thu khách hàng	131		30.626.190.844	27.346.392.088
2. Trả trước cho người bán	132		1.160.311.439	3.861.674.802
3. Các khoản phải thu khác	135	6	1.380.294.988	242.188.481
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(291.632.054)	(212.953.158)
IV. Hàng tồn kho	140		33.494.478.686	31.142.471.718
1. Hàng tồn kho	141	8	33.551.330.808	31.569.549.210
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(56.852.122)	(427.077.492)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.677.384.112	1.210.905.550
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	967.536.986	642.007.613
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		191.624.599	106.194.174
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	48.226.434
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	518.222.527	414.477.329
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			43.038.184.863	46.639.287.686
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		27.304.061.115	31.382.737.406
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	26.273.224.751	28.685.167.443
- Nguyên giá	222		40.860.242.868	43.458.006.326
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.587.018.117)	(14.772.838.883)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	-	1.704.001.902
- Nguyên giá	228		-	2.248.129.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(544.127.598)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	1.030.836.364	993.568.061
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	14	4.045.359.550	1.570.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.953.359.550	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258		1.092.000.000	1.570.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		11.688.764.198	13.686.550.280
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	11.616.541.976	13.635.318.379
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		72.222.222	51.231.901
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		142.732.961.278	142.660.581.884

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
A. Nợ phải trả	300		47.425.544.638	54.746.553.255
I. Nợ ngắn hạn	310		46.747.702.971	54.060.446.939
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	14.367.000.000	14.664.300.000
2. Phải trả cho người bán	312		12.595.068.984	11.298.011.938
3. Người mua trả tiền trước	313		1.210.345.532	3.712.304.296
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	538.800.402	651.730.506
5. Phải trả người lao động	315		6.324.512.743	8.967.504.336
6. Chi phí phải trả	316	18	752.758.233	1.091.879.148
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	5.245.117.092	10.201.757.903
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.714.099.985	3.472.958.812
II Nợ dài hạn	330		677.841.667	686.106.316
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		677.841.667	686.106.316
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		92.518.492.402	85.109.559.739
I. Vốn chủ sở hữu	410		92.518.492.402	85.109.559.739
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	56.655.300.000	56.655.300.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	13.761.696.224	12.325.320.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	20	4.366.905.716	3.701.058.580
4. Cổ phiếu quỹ	414	20	-	(3.275.267.777)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417	20	12.549.012.377	11.850.785.930
6. Quỹ dự phòng tài chính	418	20	3.859.397.201	3.183.377.400
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	20	1.326.180.884	668.985.606
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		2.788.924.238	2.804.468.890
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		142.732.961.278	142.660.581.884

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		31/12/2014	31/12/2013
1. Nợ khó đòi đã xử lý	VND	262.466.525	262.466.525
2. Ngoại tệ các loại	USD	9.309,6	645,75



Trần Văn Hưng

TP Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập

Huỳnh Thị Bích Hạnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 02 - DN/NH
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày
20/3/2006 và các qui định sửa đổi, bổ sung
của Bộ trưởng BTC

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	21	270.119.998.565	278.512.125.042
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	2.791.350.190	2.838.946.946
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10	21	267.328.648.375	275.673.178.096
4. Giá vốn hàng bán	11	22	204.478.237.023	206.007.500.755
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ	20		62.850.411.352	69.665.677.341
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.652.920.632	2.395.059.964
7. Chi phí tài chính	22	24	4.657.654.843	5.806.208.935
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.905.092.977	2.507.681.590
8. Chi phí bán hàng	24		24.919.972.098	24.483.143.219
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		24.275.281.650	26.764.953.271
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.650.423.393	15.006.431.880
11. Thu nhập khác	31	25	12.304.901.910	1.836.710.314
12. Chi phí khác	32	26	6.524.453.598	927.277.412
13. Lợi nhuận khác	40		5.780.448.312	909.432.902
14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		758.359.550	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	27	17.189.231.255	15.915.864.782
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	2.812.255.944	2.478.529.736
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	(20.990.321)	(1.679.021)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	27	14.397.965.632	13.439.014.067
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	27	277.707.132	308.345.225
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62	27	14.120.258.500	13.130.668.842
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	2.605	2.440

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bích Hạnh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập

Huỳnh Thị Bích Hạnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 03 – DN/NH
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày
20/3/2006 và các qui định sửa đổi, bổ sung
của Bộ trưởng BTC

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	282.627.362.192	297.377.995.921
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(219.333.825.034)	(219.896.497.220)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(40.220.321.924)	(38.556.092.763)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.905.092.977)	(2.507.681.590)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(3.119.778.664)	(3.688.029.130)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5.383.776.460	4.211.824.968
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(18.302.090.492)	(19.036.381.095)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.130.029.561	17.905.139.091
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(5.047.069.477)	(5.665.444.727)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	7.369.602.058	6.259.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(40.000.000)	(6.035.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	5.415.000.000	58.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.092.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.257.461.740	1.487.051.266
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6.862.994.321	(3.896.302.552)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	4.711.644.001	-
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	32.289.091.290	56.734.118.590
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(32.586.391.290)	(58.154.118.590)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.191.433.775)	(4.343.416.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.777.089.774)	(5.763.416.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	4.215.934.108	8.245.420.039
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	27.430.614.717	19.185.426.481
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	1.199.575	(231.803)
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	31.647.748.400	27.430.614.717



Trần Văn Hưng

Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập

Huỳnh Thị Bích Hạnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành Phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 07 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 29 tháng 01 năm 2015 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã đăng ký niêm yết giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng.

Công ty con: Công ty TNHH Một thành viên In Chuyên dùng

- Địa chỉ trụ sở chính: 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.
- Hoạt động chính của Công ty con: In sách giáo khoa, tạp chí chuyên ngành, văn hóa phẩm, nhãn hàng, giấy tờ quản lý kinh tế - xã hội.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 100%.

Công ty TNHH Một thành viên In Chuyên Dùng đã chấm dứt hoạt động kể từ ngày 24/06/2014 theo Quyết định số 81/QĐ_STB_14 của Hội đồng quản trị Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Công ty con: Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông

- Địa chỉ trụ sở chính: 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.
- Hoạt động chính của Công ty con: Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Trung học cơ sở và Giáo dục Trung học phổ thông.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 52,77%.

Công ty liên kết: Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Giáo dục Tây Ninh

- Địa chỉ trụ sở chính: 403 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh
- Hoạt động chính: Sản xuất, kinh doanh sách, thiết bị giáo dục, các loại học phẩm, ấn phẩm.
- Tỷ lệ sở hữu: 35,02%

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu được áp dụng

4.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty con nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các công ty này. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các Công ty con. Các báo cáo tài chính của công ty con được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ khác biệt nào trong chính sách kế toán nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là đơn vị mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách kế toán tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi và lỗ của Công ty trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu phần lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Tất cả các số dư và giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ bị loại trừ hoàn toàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn không quá 12 tháng.

Đầu tư tài chính dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác mà Công ty nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết, đầu tư trái phiếu, cho vay vốn và các khoản đầu tư dài hạn khác mà thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên 12 tháng.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.5 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính. Theo đó, đối với việc thanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch, đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối niên độ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm kết thúc niên độ.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong năm và do đánh giá lại số dư cuối năm được phản ánh vào kết quả kinh doanh trong năm đó.

4.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 44
Máy móc thiết bị	5 - 7

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Phương tiện truyền tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

4.9 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).

+ Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	3

4.10 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

4.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.12 Phân phối lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận thuần sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông hằng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.13 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.15 Chính sách thuế và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:

Sách giáo khoa và các loại sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; các loại sách khác và thiết bị văn phòng, dụng cụ học tập chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng riêng đối với Công ty mẹ

Đối với phần thu nhập có được trong lĩnh vực xã hội hóa (sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học): Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động. Ưu đãi trên được thực hiện theo Công văn số 1294/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 15/4/2011 về việc trả lời Công văn số 245/STB-10 ngày 29/12/2010 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh.

Ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại Công ty CP Giáo dục An Đông

Đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo: Áp dụng thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động. Được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo. Công ty phát sinh thu nhập chịu thuế từ năm 2010. Theo đó, Công ty áp dụng miễn thuế 4 năm (từ năm 2010 đến năm 2013) và giảm 50% trong 5 năm (từ năm 2014 đến năm 2018). Ưu đãi nêu trên thể hiện tại mục II và mục III Phần H Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn luật thuế TNDN.

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014		31/12/2013	
	USD	VND	USD	VND
Tiền mặt		233.130.834		522.991.152
Tiền gửi ngân hàng		3.065.838.513		6.627.817.757
+ VND		2.866.938.909		6.614.198.889
+ USD	9.309,60 #	198.899.604	645,75 #	13.618.868
Các khoản tương đương tiền		28.348.779.053		20.279.805.808
Cộng		31.647.748.400		27.430.614.717

6. Các khoản phải thu khác

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Lãi dự thu	24.342.852	38.510.173
Phải thu người lao động (thuế TNCN)	335.300	124.592.957
Phải thu khác	1.355.616.836	79.085.351
Cộng	1.380.294.988	242.188.481

7. Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn:		
- Trên 3 năm	33.000.000	100.695.200
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	178.318.694	112.257.958
- Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	80.313.360	-
Cộng	291.632.054	212.953.158

8. Hàng tồn kho

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.499.430.567	5.988.082.818
Công cụ, dụng cụ	21.009.144	76.696.555
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.399.331.615	1.788.727.507
Thành phẩm	8.700.395.230	6.057.098.202
Hàng hóa	16.931.164.252	17.658.944.128
Cộng	33.551.330.808	31.569.549.210

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	152.504.074	206.765.668
Chi phí sửa chữa	116.606.903	153.544.720
Chi phí bảo hiểm	93.163.764	-
Chi phí trả trước khác	605.262.245	281.697.225
Cộng	967.536.986	642.007.613

10. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tạm ứng	493.222.527	394.477.329
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	25.000.000	20.000.000
Cộng	518.222.527	414.477.329

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	30.223.542.492	9.210.452.373	3.108.804.225	915.207.236	43.458.006.326
Tăng trong năm	46.000.000	3.200.021.570	240.000.000	36.871.500	3.522.893.070
Th.lý, nhượng bán	4.004.344.731	2.050.143.702	-	66.168.095	6.120.656.528
Số cuối năm	26.265.197.761	10.360.330.241	3.348.804.225	885.910.641	40.860.242.868
Khấu hao					
Số đầu năm	6.808.519.345	6.332.080.126	1.221.121.899	411.117.513	14.772.838.883
Tăng trong năm	690.667.931	907.745.532	331.509.998	135.208.335	2.065.131.796
T/lý, nhượng bán	714.974.900	1.469.809.567	-	66.168.095	2.250.952.562
Số cuối năm	6.784.212.376	5.770.016.091	1.552.631.897	480.157.753	14.587.018.117
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	23.415.023.147	2.878.372.247	1.887.682.326	504.089.723	28.685.167.443
Số cuối năm	19.480.985.385	4.590.314.150	1.796.172.328	405.752.888	26.273.224.751

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 là: 4.127.643.056 đồng.

Tại ngày 31/12/2014 không có tài sản cố định đem cầm cố, thế chấp các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu năm	2.248.129.500	2.248.129.500
Tăng trong năm	-	-
Th.lý, nhượng bán	2.248.129.500	2.248.129.500
Số cuối năm	-	-
Khấu hao		
Số đầu năm	544.127.598	544.127.598
Khấu hao trong năm	42.340.967	42.340.967
Th.lý, nhượng bán	586.468.565	586.468.565
Số cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	1.704.001.902	1.704.001.902
Số cuối năm	-	-

Quyền sử dụng đất tại KCN Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích 2.575 m² với thời hạn đến 31/12/2047. Trong kỳ, Công ty đã chuyển nhượng tài sản này cho Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2 theo hợp đồng mua bán nhà xưởng – văn phòng ngày 18/04/2014.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Sửa chữa nhà 223 Nguyễn Tri Phương	158.109.090	-
Sửa chữa nhà 780 Nguyễn Kiệm	190.909.092	-
Sửa chữa khu nội trú	-	743.365.125
Cải tạo nhà xưởng Phan Văn Trị	-	195.868.236
Công trình xây dựng xưởng mộc KCN Sóng Thần	-	54.334.700
Chi phí thiết kế 104/5 Mai Thị Lựu	681.818.182	-
Cộng	1.030.836.364	993.568.061

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		2.953.359.550		-
Công ty CP Sách-TB Giáo dục Tây Ninh (1)	21.920	2.953.359.550		-
Đầu tư dài hạn khác		1.092.000.000		1.570.000.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Gia Định (1)	49.000	490.000.000	49.000	490.000.000
Công ty CP Sách-TB Giáo dục Tây Ninh		-	1.000	103.000.000
Cho vay dài hạn	-	602.000.000	-	977.000.000
+ DNTN Nhựa Tiền Vinh (2)		550.000.000		950.000.000
+ Trần Tuấn Kiệt (3)		15.000.000		27.000.000
+ Nguyễn Tuấn Thanh (3)		37000000		0
Cộng		4.045.359.550		1.570.000.000

- (1) Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định, vốn chủ sở hữu được bảo toàn nên Công ty không trích dự phòng đối với các khoản đầu tư này.
- (2) Cho Doanh nghiệp tư nhân Nhựa Tiền Vinh vay theo Hợp đồng vay vốn số 27/T10/STB ngày 05/10/2013, lãi suất cho vay là 10%/năm.
- (3) Cho Ông Trần Tuấn Kiệt vay theo Hợp đồng vay vốn ngày 23/05/2013, lãi suất cho vay là 11%/năm. Thời hạn cho vay đến 24/05/2016.
- (4) Cho Ông Nguyễn Tuấn Thanh vay theo Hợp đồng vay vốn ngày 10/10/2014, lãi suất cho vay là 10,5%/năm. Thời hạn cho vay đến 11/10/2016.

15. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	774.806.149	2.096.847.136
Sửa chữa nhà 223 Nguyễn Tri Phương	198.276.725	91.207.916
Sửa chữa, cải tạo Cửa hàng 122 Phan Văn Trị	1.246.437.775	1.693.570.554
Sửa chữa nhà xưởng Bình Dương	112.209.950	161.766.959
Sửa chữa tại cửa hàng Bình Thạnh	130.571.882	-
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	1.141.068.410	1.443.318.841
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Sóng Thần	7.955.884.779	8.145.310.611
Chi phí khác	57.286.306	3.296.362
Cộng	11.616.541.976	13.635.318.379

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn (Vay cá nhân)	14.367.000.000	14.664.300.000
Cộng	14.367.000.000	14.664.300.000

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	174.331.761	126.029.524
Thuế thu nhập doanh nghiệp	166.006.631	488.539.521
Thuế thu nhập cá nhân	198.462.010	37.161.461
Cộng	538.800.402	651.730.506

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trích trước chiết khấu thanh toán nhanh, hoa hồng	551.222.833	857.325.148
Chi phí học tập ngoại khóa cho học sinh, giáo viên	136.535.400	169.554.000
Trích trước chi phí khác	65.000.000	65.000.000
Cộng	752.758.233	1.091.879.148

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Kinh phí công đoàn	447.732.725	429.476.649
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Phải trả về Cổ phần hoá	723.771.000	723.771.000
Cổ tức phải trả ⁴	3.724.718.157	8.303.962.932
Các khoản phải trả, phải nộp khác	348.895.210	744.547.322
- <i>Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát</i>	<i>117.306.472</i>	<i>447.220.722</i>
- <i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	<i>101.822.404</i>	<i>98.047.404</i>
- <i>Phải trả khác</i>	<i>129.766.334</i>	<i>199.279.196</i>
Cộng	5.245.117.092	10.201.757.903

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển (*) VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LNST chưa phân phối VND
Số tại 01/01/2013	56.655.300.000	12.325.320.000	3.029.882.231	(3.275.267.777)	12.427.525.621	2.514.573.911	4.872.635.675
Tăng trong năm	-	-	671.176.349	-	671.176.349	668.803.489	13.130.668.842
Giảm trong năm	-	-	-	-	1.247.916.040	-	17.334.318.911
Số tại 31/12/2013	56.655.300.000	12.325.320.000	3.701.058.580	(3.275.267.777)	11.850.785.930	3.183.377.400	668.985.606
Số tại 01/01/2014	56.655.300.000	12.325.320.000	3.701.058.580	(3.275.267.777)	11.850.785.930	3.183.377.400	668.985.606
Tăng trong năm	-	1.436.376.224	692.885.346	-	726.039.924	676.019.801	14.175.110.187
Giảm trong năm	-	-	27.038.210	(3.275.267.777)	27.813.477	-	13.517.914.909
Số tại 31/12/2014	56.655.300.000	13.761.696.224	4.366.905.716	-	12.549.012.377	3.859.397.201	1.326.180.884

(*) Quỹ đầu tư phát triển tăng trong năm 2014: 726.039.924 đồng, bao gồm:

- Tạm phân phối lợi nhuận năm 2014: 676.019.801 đồng;
- Công ty tự xác định lại số thuế TNDN được miễn giảm của năm 2012 theo quy định tại Thông tư 140/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính. Theo đó, thuế TNDN được miễn giảm của năm 2012 tăng thêm 50.020.123 đồng được Công ty bổ sung vào Quỹ đầu tư phát triển.

b. Cổ phiếu

	31/12/2014 Cổ phiếu	31/12/2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu thường	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	284.500
- Cổ phiếu thường	-	284.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.665.530	5.381.030
- Cổ phiếu thường	5.665.530	5.381.030
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	668.985.606	4.872.635.675
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	14.120.258.500	13.130.668.842
Tăng khác	54.851.687	
Phân phối lợi nhuận	13.517.914.909	17.334.318.911
- Trích quỹ đầu tư phát triển	676.019.801	671.176.349
- Trích quỹ dự phòng tài chính	676.019.801	668.803.489
- Trích quỹ dự trữ	692.885.346	671.176.349
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.431.781.160	2.813.720.375
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	676.019.801	671.176.349
- Chia cổ tức	7.365.189.000	11.838.266.000
Lợi nhuận chưa phân phối	1.326.180.884	668.985.606

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2013 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ/14 ngày 30/03/2014 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 và tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2014 theo Nghị quyết số 01/NQHĐQT/2015 ngày 14/01/2015 của Hội đồng quản trị.

d. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/14 ngày 30/03/2014 quyết định chi trả cổ tức năm 2013 với tỷ lệ 15%/Giá trị cổ phiếu lưu hành theo mệnh giá, tương ứng 8.071.545.000 đồng.

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 11/NQHĐQT/2014 ngày 16/12/2014 thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2014 bằng tiền với tỷ lệ 13%/vốn điều lệ (tương ứng 7.365.189.000 đồng). Công ty đã thông báo ngày chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức là 31/12/2014.

21. Doanh thu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng doanh thu	270.119.998.565	278.512.125.042
- Doanh thu bán sách và sản phẩm in	102.550.753.415	103.480.107.496
- Doanh thu thiết bị giáo dục	150.265.154.036	157.256.722.207
- Doanh thu hoạt động dạy học	16.900.034.849	17.371.311.707
- Doanh thu khác	404.056.265	403.983.632
Các khoản giảm trừ	2.791.350.190	2.838.946.946
- Giám giá hàng bán	-	49.063.684
- Hàng bán bị trả lại	2.791.350.190	2.789.883.262
Cộng	267.328.648.375	275.673.178.096

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn sách và sản phẩm in	86.127.280.437	83.337.930.240
Giá vốn thiết bị giáo dục	109.895.054.022	113.323.986.567
Giá vốn hoạt động dạy học	8.293.547.168	9.456.802.941
Giá vốn khác	532.580.766	248.356.861
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(370.225.370)	(359.575.854)
Cộng	204.478.237.023	206.007.500.755

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.177.494.419	1.462.011.439
Cổ tức, lợi nhuận nhận được chia	65.800.000	63.550.000
Chiết khấu thanh toán được hưởng	401.480.422	869.498.525
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.946.216	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.199.575	-
Cộng	1.652.920.632	2.395.059.964

24. Chi phí tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí lãi vay	1.905.092.977	2.507.681.590
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.805.769	231.803
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	2.749.756.097	3.298.295.542
Cộng	4.657.654.843	5.806.208.935

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Thu nhập khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Bán thanh lý tài sản cố định	1.307.970.000	1.145.454.545
Xử lý chênh lệch kiểm kê hàng tồn kho	186.349.085	132.863.609
Bán thanh lý vật tư, phế liệu	34.005.637	12.250.746
Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	10.000.000.000	-
Chuyển nhượng vật tư	104.168.370	3.136.364
Cho thuê mặt bằng	371.622.483	432.909.093
Thu nhập khác	300.786.335	110.095.957
Cộng	12.304.901.910	1.836.710.314

26. Chi phí khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	580.334.135	491.532.967
Chi phí thanh lý tài sản cố định	207.463.636	-
Chuyển nhượng bất động sản	5.024.961.616	-
- Giá trị còn lại của bất động sản chuyển nhượng	4.951.030.766	-
- Chi phí liên quan đến chuyển nhượng bất động sản	73.930.850	-
Giá trị vật tư chuyển nhượng	104.168.370	-
Giá trị vật tư, hàng kém chất lượng thanh lý	252.023.609	184.468.364
Xử lý chênh lệch hàng thiếu qua kiểm kê	85.365.418	-
Chi phí cho thuê mặt bằng	85.046.212	191.809.584
Chi nộp phạt thuế, phạt hành chính	-	2.891.417
Chi phí khác	185.090.602	56.575.080
Cộng	6.524.453.598	927.277.412

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.189.231.255	15.915.864.782
- Hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	-	10.774.827
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	7.354.826.110	9.916.811.534
- Hoạt động khác không được ưu đãi	4.859.366.761	5.988.278.421
- Hoạt động chuyển nhượng bất động sản	4.975.038.384	-
Các khoản điều chỉnh để xác định LN chịu thuế TNDN	(198.142.770)	221.739.784
- Các khoản điều chỉnh tăng	880.525.249	462.549.606
+ <i>Chi phí không được trừ</i>	516.888.885	278.341.898
+ <i>Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	-	231.803
+ <i>Lợi nhuận chưa thực hiện</i>	363.636.364	183.975.905
- Các khoản điều chỉnh giảm	1.078.668.019	240.809.822
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	65.800.000	63.550.000
+ <i>Lỗ lũy kế tại Công ty con giải thể</i>	13.027.755	-
+ <i>Lãi Công ty liên kết</i>	758.359.550	-
+ <i>Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	1.199.575	177.259.822
+ <i>Lợi nhuận đã thực hiện</i>	240.281.139	-
Tổng thu nhập chịu thuế	16.991.088.485	16.137.604.566
- Hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	-	17.490.910
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	7.461.395.747	9.916.881.534
- Hoạt động khác không được ưu đãi	4.554.654.354	6.203.302.122
- Hoạt động chuyển nhượng bất động sản	4.975.038.384	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.831.368.534	2.543.197.168
- Hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	-	1.749.091
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	746.139.575	991.681.153
- Hoạt động khác không được ưu đãi	990.720.515	1.549.766.924
- Hoạt động chuyển nhượng bất động sản	1.094.508.444	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	19.112.590	64.667.432
- Thuế thu nhập doanh nghiệp giảm tại Công ty mẹ	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp miễn giảm tại Công ty con	19.112.590	64.667.432
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.812.255.944	2.478.529.736
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(20.990.321)	(1.679.021)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.397.965.632	13.439.014.067
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	277.707.132	308.345.225
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	14.120.258.500	13.130.668.842

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.120.258.500	13.130.668.842
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ	14.120.258.500	13.130.668.842
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.421.253	5.381.030
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.605	2.440

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	49.952.833.706	51.726.325.730
Chi phí nhân công	41.888.837.846	42.054.552.030
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.107.472.763	2.292.565.683
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.328.372.852	21.135.726.360
Chi phí khác bằng tiền	10.084.298.110	5.507.171.459
Cộng	123.361.815.277	122.716.341.262

30. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Công ty ít phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty ít chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ như sau:

	31/12/2014 USD	31/12/2013 USD
Tài sản tài chính (Tiền gửi ngân hàng)	9.309,6	645,75

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa chủ yếu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu, hàng hóa đầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã áp dụng chính sách ký hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp truyền thống đồng thời đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là doanh nghiệp trong nước hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, ~~đặc biệt là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các trường học có~~ nguồn kinh phí chủ yếu từ ngân sách Nhà nước. Do đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng với khách hàng của Công ty ở mức thấp. Để quản lý rủi ro tín dụng, Công ty đã duy trì chính sách nhận tiền đặt cọc của khách hàng ngay sau khi ký hợp đồng hoặc yêu cầu khách hàng thanh toán trước khi nhận hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhàn rỗi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

ĐVT: VND

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	14.367.000.000	-	14.367.000.000
Phải trả người bán	12.595.068.984	-	12.595.068.984
Chi phí phải trả	752.758.233	-	752.758.233
Phải trả khác	4.797.384.367	-	4.797.384.367
Cộng	32.512.211.584	-	32.512.211.584
31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	14.664.300.000	-	14.664.300.000
Phải trả người bán	11.298.011.938	-	11.298.011.938
Chi phí phải trả	1.091.879.148	-	1.091.879.148
Phải trả khác	9.772.281.254	-	9.772.281.254
Cộng	36.826.472.340	-	36.826.472.340

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

ĐVT: VND

<u>31/12/2014</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và khoản tương đương tiền	31.647.748.400	-	31.647.748.400
Phải thu khách hàng	30.334.558.790	-	30.334.558.790
Đầu tư tài chính	-	1.092.000.000	1.092.000.000
Phải thu khác	1.379.959.688	-	1.379.959.688
Tài sản tài chính khác	25.000.000	-	25.000.000
Cộng	63.387.266.878	1.092.000.000	64.479.266.878

<u>31/12/2013</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và khoản tương đương tiền	27.430.614.717	-	27.430.614.717
Phải thu khách hàng	27.133.438.930	-	27.133.438.930
Đầu tư tài chính	5.000.000.000	1.570.000.000	6.570.000.000
Phải thu khác	117.595.524	-	117.595.524
Tài sản tài chính khác	20.000.000	-	20.000.000
Cộng	59.701.649.171	1.570.000.000	61.271.649.171

31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá các môi trường kinh tế cụ thể theo lĩnh vực kinh doanh không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

11/01/16 H 101

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Năm 2014	Hoạt động đạy học	Thiết bị giáo dục	In ấn, k.doanh sách và d.vụ khác	Tổng
Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	16.900.034.849	150.265.154.036	102.954.809.680	270.119.998.565
Các khoản giảm trừ	-	2.001.785.433	789.564.757	2.791.350.190
Giá vốn hàng bán	9.269.345.835	109.926.020.461	85.282.870.727	204.478.237.023
Chi phí bán hàng	-	17.246.003.903	7.673.968.195	24.919.972.098
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.361.582.850	11.525.597.285	5.388.101.515	24.275.281.650
Chi phí lãi vay thuần	(13.724.561)	352.177.956	389.145.163	727.598.558
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính khác	-	(241.127.250)	(2.036.008.403)	(2.277.135.653)
Thu nhập khác	135.545.455	213.249.289	11.956.107.166	12.304.901.910
Chi phí khác	86.556.257	301.862.547	6.136.034.794	6.524.453.598
Lãi (lỗ) trong công ty liên kết				758.359.550
Lợi nhuận kế toán trước thuế	331.819.923	8.883.828.490	7.215.223.292	17.189.231.255
Tài sản và Nợ phải trả tại 31/12/2014				
Phải thu của khách hàng	1.622.724.160	27.295.557.195	1.707.909.489	30.626.190.844
Hàng tồn kho	41.579.081	27.860.030.791	5.592.868.814	33.494.478.686
Tài sản cố định hữu hình				26.273.224.751
- Tài sản cố định HH của bộ phận	1.002.653.432	18.482.748.200	521.761.754	20.007.163.386
+ Nguyên giá	1.430.786.363	23.752.059.713	3.107.452.870	28.290.298.946
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(428.132.931)	(5.269.311.513)	(2.585.691.116)	(8.283.135.560)
- Tài sản cố định HH không phân bổ	-	-	-	6.266.061.365
+ Nguyên giá	-	-	-	12.569.943.922
+ Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	(6.303.882.557)
Tài sản khác không phân bổ	-	-	-	52.339.066.997
Tổng Tài sản				142.732.961.278
Phải trả người bán	305.350.681	4.497.993.407	7.791.724.896	12.595.068.984
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	34.830.475.654
Tổng Nợ phải trả				47.425.544.638

11/11/14

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Năm 2013	Hoạt động dạy học	Thiết bị giáo dục	In ấn, k.doanh sách và d.vụ khác	Tổng
Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	17.371.311.707	157.256.722.207	103.884.091.128	278.512.125.042
Các khoản giảm trừ	-	1.312.351.669	1.526.595.277	2.838.946.946
Giá vốn hàng bán	9.456.802.941	112.863.749.032	83.686.948.782	206.007.500.755
Chi phí bán hàng	132.153.542	17.100.742.423	7.250.247.254	24.483.143.219
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.444.034.979	13.390.083.170	5.930.835.122	26.764.953.271
Chi phí lãi vay thuần	(19.362.640)	753.298.881	311.733.910	1.045.670.151
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính khác	(11.395.776)	(1.651.019.523)	(703.063.521)	(2.365.478.820)
Thu nhập khác	505.661.772	950.298.856	380.749.686	1.836.710.314
Chi phí khác	246.584.147	476.626.954	204.066.311	927.277.412
Lợi nhuận kế toán trước thuế	605.364.734	10.659.149.411	4.651.350.637	15.915.864.782
Tài sản và Nợ phải trả tại 31/12/2013				
Phải thu của khách hàng	868.052.500	23.809.326.569	2.669.013.019	27.346.392.088
Hàng tồn kho	130.464.031	27.958.732.006	3.480.353.173	31.569.549.210
Tài sản cố định hữu hình				28.685.167.443
- Tài sản cố định HH của bộ phận	780.718.047	21.344.880.381	1.146.800.994	23.272.399.422
+ Nguyên giá	1.046.198.299	27.290.998.053	5.740.281.712	34.077.478.064
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(265.480.252)	(5.946.117.672)	(4.593.480.718)	(10.805.078.642)
- Tài sản cố định HH không phân bổ				5.412.768.021
+ Nguyên giá	-	-	-	9.380.528.262
+ Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	(3.967.760.241)
Tài sản khác không phân bổ	-	-	-	55.059.473.143
Tổng Tài sản				142.660.581.884
Phải trả người bán	415.245.675	6.806.560.923	4.076.205.340	11.298.011.938
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	43.448.541.317
Tổng Nợ phải trả				54.746.553.255

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

a. Thông tin về các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Học liệu	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung Công ty đầu tư

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan gồm

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Bán hàng			
Công ty CP Sách Thiết bị GD Miền Nam	Thiết bị, băng đĩa, ấn phẩm	7.761.908.871	4.928.953.263
Công ty CP Sách GD tại Thành phố HCM	Sách, thiết bị	87.049.640	49.654.745
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Sách, thiết bị, chuyên nhượng bất động sản	13.466.047.514	3.239.810.000
Công ty CP ĐT&PT GD Phương Nam	Sách, thiết bị, đĩa	59.582.852	465.700.130
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Thiết bị	275.796.000	572.577.999
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Thiết bị	2.313.519.424	1.354.927.091
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Thiết bị	2.592.536.512	5.069.919.822
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Thiết bị	3.837.714.461	5.080.462.752
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TPHCM	Phí quản lý xuất bản	248.998.950	223.995.000
Công ty CP Sách Thiết bị GD Miền Nam	Sách giáo khoa, bìa bao	45.143.303.077	44.783.408.933
Công ty CP Sách GD tại Thành phố HCM	Sách tham khảo	768.384.873	958.281.498
Công ty Cổ phần Học liệu	Băng đĩa giáo dục	189.620.000	344.666.000
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Cung ứng thiết bị giáo dục	64.258.296	44.476.364
Công ty CP ĐT&PT GD Phương Nam	Sách t/khảo, văn hoá phẩm	23.832.190.880	22.333.469.716
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Bản đồ, tranh ảnh	4.134.009.112	4.690.784.760
Thu lãi cho vay vốn và cổ tức lợi nhuận được chia			
Cty TNHH MTV NXB giáo dục Việt Nam	Cho vay	-	10.000.000.000
	Lãi cho vay	612.500.000	212.366.667

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu			
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Phải thu khách hàng	1.922.283.532	1.979.264.130
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Phải thu khách hàng	2.773.156.665	2.058.583.733
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Phải thu khách hàng	279.082.896	578.272.251
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Phải thu khách hàng	75.374.900	260.140.154
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Phải thu khách hàng	524.353.299	506.095.620
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Phải thu khách hàng	222.267.002	2.968.852.168
Cty TNHH MTV NXB giáo dục Việt Nam	Nợ gốc cho vay	-	10.000.000.000
Phải trả			
Công ty CP ĐT và Phát triển GD Phương Nam	Phải trả người bán	284.911.500	464.935.297
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố HCM	Phải trả người bán	166.460.762	199.963.030
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Người mua trả tiền trước	-	5.000.000.000

d. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thù lao Hội đồng quản trị	795.056.000	660.764.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	2.389.861.200	1.421.172.700

33. Các cam kết thuê hoạt động

Đến thời điểm 31/12/2014, Công ty có các cam kết thuê hoạt động như sau:

- ✓ Hợp đồng thuê đất số 9241/HĐTĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 08/12/2005 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.182,4 m² đất tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh; tiền thuê đất trả hàng năm;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 31/HĐTĐ/ST3 ngày 26/12/2006 về việc thuê 20.600 m² đất ở KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 5109/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 26/06/2008 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.649 m² đất tại 122 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng mộc – nay là Xí nghiệp đồ dùng dạy học và cửa hàng kinh doanh; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 6170/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 21/08/2009 với Sở Địa chính Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.875 m² đất tại 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh để làm văn phòng, kho hàng và cửa hàng kinh doanh; thời gian thuê: 50 năm; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 8651/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 27/11/2009 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.423 m² đất tại 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng cơ khí và sơn tĩnh điện (là Xí nghiệp thiết bị trường học, nay đã chuyển về Khu công nghiệp Sóng Thần, hiện tại diện tích đất này đang được sử dụng làm cửa hàng kinh doanh); tiền thuê đất trả hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

35. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán bởi AAC



Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập

Huỳnh Thị Bích Hạnh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2015